

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HC-PT

Ngày: 08/05/2020

V/v "Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;
Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 392/2019/TLPT-HC ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại” do Bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2019 /HC-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2968/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 04 năm 2020, giữa các đương sự:

* ***Người khởi kiện:*** Ông Đặng Thanh H; Địa chỉ: Khu Bí Trung 2, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Lan A và bà Đỗ Thị D; cùng địa chỉ: Khu Bí Trung 2, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; đều có mặt.

Bà Đặng Thị Lan A ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu Bí Trung 2, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Lê Văn Công và ông Nguyễn Đức Long, luật sư văn phòng luật sư Lê Công thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều có mặt.

Ông Huỳnh Mỹ Long, luật sư văn phòng luật sư Tâm Chí thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

* ***Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T ; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Bùi Văn T; trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Ông Nguyễn Phúc Q; phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố U; có mặt.

- Bà Trịnh Thị Thu C; chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường thành phố U; có mặt.

- Ông Nguyễn Mạnh H; chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường thành phố U; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H – Chủ tịch UBND thành phố U.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đ ; Phó Chủ tịch UBND thành phố U; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Bùi Văn T; trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Ông Nguyễn Phúc Q; phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố U; có mặt.

- Bà Trịnh Thị Thu C; chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường thành phố U; có mặt.

- Ông Nguyễn Mạnh H; chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường thành phố U; có mặt.

- Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố U và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh Tâm; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đông; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Hùng; công chức địa chính; có mặt.

- Bà Đặng Thị Lan A; Địa chỉ: Khu Bí Trung 2, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đến, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu Bí Trung 2, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/01/2019 và tại bản tự khai, tại biên bản đối thoại, phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện trình bày có nội dung sau:

Ông Vũ Văn V có diện tích đất 740,0m² tại Khu Bí Trung 2, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh có nguồn gốc sử dụng từ trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 trên đất có nhà ở. Đến năm 1992, thực hiện đo vẽ bản đồ giải thửa đã tách diện tích đất trên thành 03 thửa (Trong đó thửa 94 diện tích 125m² thuộc hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982, thửa 93 diện tích 470m² nằm ngoài hành lang an toàn giao thông và thửa 92 diện tích 145m² là hành lang đường sắt). Thửa 93 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông V vẫn quản lý sử dụng diện tích đất hành lang an toàn giao thông để làm sân, lối đi và trồng cây bóng mát...

Năm 1996 – 1998, thực hiện mở rộng quốc lộ 18A đã giải phóng mặt bằng từ tim đường đến chỉ giới giải phóng mặt bằng có khoảng cách 6,5m (Trong đó có đất của ông V 1,0m) thuộc đất hành lang an toàn giao thông, việc giải phóng mặt bằng, đền bù đã được thực hiện xong.

Năm 1998, ông Vũ Văn V cho Ông Đặng Thanh H 139m² (Trong đó đất xây dựng 46m² và đất vườn 93m²) thuộc một phần thửa 93 tờ bản đồ 17 và ông H sử dụng phần đất hành lang an toàn giao thông phía trước thửa đất tính từ tim đường vào đến thửa đất có khoảng cách 15m theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H ngày 15/10/1998.

Năm 2003, thực hiện giải phóng mặt bằng thi công đường nước sạch đã lấy thêm 0,5m đất hành lang giao thông và đã đền bù cho ông H.

Ngày 31/8/2015, ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 5787/QĐ - UBND thu hồi 12,5m² đất trồng cây lâu năm của hộ Ông Đặng Thanh H thuộc thửa 94 để thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 18A giai đoạn 2 và ban hành Quyết định số 5788/QĐ - UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông H số tiền 15.187.782đ.

Ngày 16/3/2017, Ủy ban nhân dân thành phố U đã ban hành Quyết định số 941/QĐ - UBND phê duyệt bổ sung phương án bồi thường đối với 48 hộ dân trong đó có ông H số tiền 91.250.000đ.

Không đồng ý với việc xác định diện tích đất thu hồi và xác định loại đất thu hồi nên ông H đã có đơn đề nghị tới Ủy ban nhân dân phường Phương Đông và được Ủy ban nhân dân phường Phương Đông ban hành văn bản số 156/UBND ngày 5/5/2017 trả lời nhưng ông H không đồng ý và đã có đơn khiếu nại yêu cầu xác định loại đất thu hồi là đất ở và xác định tổng diện tích đất thu hồi là 17,7m² để bồi thường theo giá đất ở.

Ngày 31/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đông đã ban hành Quyết định số 233/QĐ - CT không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông H. Không đồng ý với Quyết định giải quyết của Chủ tịch ủy ban nhân dân phường Phương Đông, ông H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố U.

Ngày 22/11/2017, Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố U ban hành Quyết định số 6865/QĐ - UBND giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông H và không chấp nhận khiếu nại của ông H.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố U, ông H đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu: Hủy Quyết định số 6865/QĐ - UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố U về việc giải quyết khiếu nại đối với ông H; đề nghị xác định tổng diện tích đất thu hồi 17,7m² là loại đất ở và bồi thường theo giá đất ở. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ ông H cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm phương án bồi thường, quyết định giải quyết khiếu nại...và trình bày diện tích đất thu hồi tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới và diện tích thửa đất ngày 30/5/2015 mà ông H ký nhận thể hiện diện tích giải phóng mặt bằng là 17,7m² và diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông có nguồn gốc hình thành từ trước năm 1980, được sử dụng vào mục đích để ở có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài theo Điều 20, khoản 4 Điều 56

Nghị định 43/2014/NĐ - CP và thực tế các lần thu hồi đất trước đây đều được đền bù là đất ở và năm 1996 - 1998, năm 2003 khi giải phóng mặt bằng đã bồi thường đất ở.

Theo văn bản ý kiến và bản tự khai của người bị kiện trình bày: Căn cứ hồ sơ giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998, hồ sơ thi công đường nước năm 2003 và bản chứng nhận nhà đất của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh lập ngày 07/8/2015 được bổ sung ngày 25/02/2017 và kết quả xác minh cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H. Diện tích đất của hộ ông V năm 1992 được tách làm 03 thửa trong đó có thửa nằm trong hành lang an toàn đường bộ tiếp giáp quốc lộ 18A và thửa phía bên trong nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, thửa trong cùng là hành lang đường sắt. Năm 1998, ông V cho ông H diện tích 46,0m² đất ở và 93,0m² đất vườn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1996 - 1998, thực hiện mở rộng quốc lộ 18A và thực hiện thi công đường nước sạch năm 2003 hộ ông H đã bị giải phóng mặt bằng có chỉ giới giải phóng mặt bằng tính từ tim đường là 7,0m (Theo Công văn số 2848/SGTVT - QLHT ngày 25/7/2015 mốc giới giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 là 6,5m tính từ tim đường vào và năm 2003 làm đường nước sạch lấy 0,5m) và được đền bù theo giá đất ở. Năm 2015, tiếp tục thực hiện mở rộng quốc lộ 18A giai đoạn 2 đã giải phóng mặt bằng thêm diện tích đất hành lang an toàn giao thông của 318 hộ dân trên địa phận thành phố U trong đó: có ông H tính từ tim đường đến chỉ giới giải phóng mặt bằng có kích thước 10,14m, sau khi xác định chỉ giới giải phóng mặt bằng đã trừ đi phần đã giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 (10,14m - 7,0m X chiều rộng thửa đất) còn lại 12,5m² là chính xác. Đối với việc xác định loại đất thu hồi và bồi thường giải phóng mặt bằng 15,2m² của hộ ông H căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất bị thu hồi thuộc đất hành lang an toàn giao thông và ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được xác định là đất trồng cây lâu năm theo quy định tại Điều 11 Luật đất đai năm 2013. Ngoài việc bồi thường về đất, tài sản trên đất thì người sử dụng đất còn được hỗ trợ giá trị 50% giá đất ở theo Quyết định số 4114/QĐ - UBND ngày 07/12/2016, Quyết định số 500/QĐ - UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Do vậy, việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và giải quyết khiếu nại với nội dung như trên là đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Theo văn bản ý kiến và bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố U: Trình bày thống nhất với nội dung của người bị kiện và không có yêu cầu độc lập.
- Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố U: Trình bày thống nhất với người bị kiện và không có yêu cầu độc lập.
- Bà Đặng Thị Lan A: Trình bày thống nhất với người khởi kiện và không có yêu cầu độc lập.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổ chức đối thoại nhưng không thành, về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, căn cứ và hình thức ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và các quyết định có liên quan, phương pháp và cách tính khoảng cách

xác định mốc giới giải phóng mặt bằng năm 1996 -1998, năm 2003 và chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 các đương sự thống nhất và không có tranh chấp nhưng người khởi kiện không đồng ý trừ diện tích 5,2m² đã giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998, năm 2003 và loại đất thu hồi phải xác định bồi thường là đất ở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019/HCST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật tổ tụng Hành Chính; Căn cứ vào quy định tại Điều 11; Điều 204 Luật đất đai 2013; Các Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử: Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Đặng Thanh H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6865/QĐ - UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại đối với Ông Đặng Thanh H và bác yêu cầu xác định tổng diện tích đất thu hồi 17,7m², xác định đất thu hồi là loại đất ở và bồi thường theo giá đất ở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2019, Ông Đặng Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; không xuất trình thêm tài liệu gì mới. Người khởi kiện, người được người khởi kiện uỷ quyền và các Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện trình bày về nguồn gốc toàn bộ 740,0m² đất do gia đình ông Vũ Văn V sử dụng làm nhà ở ổn định từ trước tháng 12 năm 1980; đến năm 1992 thì Ủy ban nhân dân thị xã Uông Bí (nay là thành phố U) tự lập bản đồ chia diện tích đất đó thành 03 thửa; vì Nghị định 203/HĐBT năm 1992 không quy định tách thửa do vậy khi tách thửa trong đó có thửa đất số 42 được xác định là đất hành lang giao thông là không đúng; thực tế theo bản đồ thì nét vẽ chỉ là liền một thửa. (Trong đó thửa 94 diện tích 125m² thuộc hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203/HĐBT năm 1982, thửa 93 diện tích 470m² nằm ngoài hành lang an toàn giao thông và thửa 92 diện tích 145m² là hành lang đường sắt). Thửa 93 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông V và ông V vẫn quản lý sử dụng diện tích đất hành lang an toàn giao thông để làm sân, lối đi và trồng cây bóng mát. Năm 1998 ông V chuyển nhượng một phần đất cho ông H; tại hồ sơ chuyển nhượng và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 93 cho ông H phần còn lại chưa được cấp giấy; tuy lúc đó ông V không khiếu nại nhưng thực tế từ năm 1996 - 1998 khi thu hồi mở rộng đường 18A giai đoạn một đã bồi thường cho gia đình ông V ghi rõ là bồi thường đất ở và phần còn lại cho đến khi đất bị thu hồi năm 2015 thì gia đình ông V và ông H vẫn sử dụng thửa đất số 94 mục đích đất liền vào thửa số 93 vẫn với mục đích làm nhà và công trình để ở. Do vậy, người khởi kiện đề nghị được bồi thường bằng giá đất ở đối với phần bị đất thu hồi.

Về diện tích bị thu hồi: do việc xác định phần đất trong hành lang giao thông chỉ có 12,5 m² là không đúng mà phải đền bù cả 17,7m² vì nên năm 1998

chưa đền bù cho ông H. Nay đề nghị phải đền bù toàn bộ 17,7m² và theo giá đất ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phân tích và kết luận:

Về việc chấp hành tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Kháng cáo của người khởi kiện trong hạn nên cần được chấp nhận để xét.

Về nội dung: nguồn gốc toàn bộ 740,0m² đất do gia đình ông Vũ Văn V sử dụng làm nhà ở ổn định từ trước tháng 12 năm 1980; đến năm 1992 thì Ủy ban nhân dân thị xã Uông Bí (nay là thành phố U) tự lập bản đồ chia diện tích đất đó thành 03 thửa; trong đó có thửa số 94 nằm trong hành lang giao thông theo Nghị định 203/HĐBT năm 1982 của Chính phủ nên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1998, ông V chuyển nhượng cho ông H khi đã giải phóng mặt bằng giai đoạn một. Khi nhận chuyển nhượng ông H chỉ được cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất có vị trí cách tìm đường 18A là 15m; phần còn lại vẫn là hành lang an toàn giao thông. Nay ông H kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị bác kháng cáo của Ông Đặng Thanh H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; lời trình bày của các đương sự; quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người bị kiện và đại diện theo ủy quyền người có quyền nghĩa vụ liên quan có ủy quyền đều có mặt. Tại phiên tòa có thêm người được ủy quyền mới là ông Nguyễn Văn Đến và Luật sư Huỳnh Mỹ Long nhưng họ đều đồng ý tham gia phiên tòa, đây là phiên tòa mở lần thứ hai hợp lệ nên được chấp nhận để tham gia tố tụng.

Ngày 19/7/2019, Ông Đặng Thanh H kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 26/2019/HCST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; ông H đã đóng tạm ứng án phí ngày 29/7/2019 vì vậy kháng cáo trong hạn nên được chấp nhận để xét.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Ông Đặng Thanh H về tính hợp pháp của Quyết định số 6865/QĐ - UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh và các Quyết định hành chính có liên quan:

[2.1] Bản án sơ thẩm số 26/2019/HCST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nhận định về hình thức và căn cứ ban hành các Quyết định số 6865/QĐ - UBND, Quyết định số 5787/QĐ - UBND, Quyết định số 5788/QĐ - UBND, Quyết định số 941/QĐ - UBND (Phần liên quan ông H), văn bản số 156/UBND và Quyết định số 233/QĐ - CT đều được ban hành đã tuân thủ về hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành văn bản và các căn cứ pháp lý đều là văn bản pháp luật hiện hành đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành Quyết định nên phù hợp với pháp luật.

[2.2] Về căn cứ xác định diện tích đất thu hồi, giải phóng mặt bằng: Theo lời khai của các đương sự và của chính ông H; theo bản đồ giải thửa năm 1992 khi thực hiện xác định mốc giới hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng thì về nguồn gốc khu đất nguyên là do ông Vũ Văn V quản lý có diện tích $740,0m^2$ tại Khu Bí Trung 2, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh có nguồn gốc sử dụng từ trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 trên đất có một phần làm nhà ở. Đến năm 1992, thực hiện đo vẽ bản đồ giải thửa đã tách diện tích đất trên thành 03 thửa (Trong đó thửa 94 diện tích $125m^2$ thuộc hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203/HĐBT năm 1982, thửa 93 diện tích $470m^2$ nằm ngoài hành lang an toàn giao thông và thửa 92 diện tích $145m^2$ là hành lang đường sắt). Thửa 93 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông V và ông V vẫn quản lý sử dụng diện tích đất hành lang an toàn giao thông để làm sân, lối đi và trồng cây bóng mát (thửa số 94). Năm 1998 ông V chuyển nhượng một phần đất cho ông H; tại hồ sơ chuyển nhượng và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 93 cho ông H, vị trí thửa đất chuyển nhượng và ông H được cấp giấy chứng nhận cách tìm đường quốc lộ 18A là 15m. Trước đó, giai đoạn năm 1996 – 1998, khi Nhà nước lấy một phần đất thuộc hành lang an toàn giao thông để mở rộng quốc lộ 18A đã xác định khoảng cách và vị trí, kích thước diện tích đất được lấy để mở rộng đường theo biên bản ngày 07/12/1998 được thể hiện tính từ tìm đường vào đến ranh giới đất của chủ hộ (lúc này còn là ông V) khi chưa giải phóng mặt bằng có khoảng cách gồm phần đường từ tìm đường đến viên đá bó vỉa đường (Khi thu hồi đất năm 2015 căn cứ theo bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/1000 năm 1992 xác định khoảng cách 2,8m tại vị trí thửa đất bị thu hồi) và tiếp đến phần đất lưu không 2,70m tính từ viên đá bó vỉa đường vào phần thửa đất hành lang giao thông, phía bên trong là khoảng cách 1,0m là mốc giới đất giải phóng mặt bằng. Như vậy, thời điểm năm 1996 - 1998 mốc giới giải phóng mặt bằng tính từ tìm đường vào đến chỉ giới giải phóng mặt bằng 6,5m theo Bản đồ giải thửa năm 1992 tỷ lệ 1/1000. Theo nội dung Công văn số 2848/SGTVT - QLHT ngày 25/7/2015 của Sở giao thông vận tải Quảng Ninh và hồ sơ năm 2003 giải phóng mặt bằng để thi công đường nước, đất trước cửa nhà ông H tiếp tục bị lấy vào 0,5m đất nên chỉ giới giải phóng mặt bằng đã xác lập thời điểm năm 2003 là 7,0m. Đây là mốc giới giải phóng mặt bằng người sử dụng đất đã thống nhất ký nhận và xác lập khi giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998, năm 2003 và đã được thực hiện xong không có khiếu nại gì nên đó chính là cơ sở để xác định mốc giới đất đã giải phóng mặt bằng. Năm 2015, kích thước và chỉ giới giải phóng mặt bằng được thể hiện khoảng cách từ tìm đường vào đến chỉ giới mặt bằng có kích thước 10,14m. Như vậy, để xác định diện tích đất được thu hồi, UBND thành phố U đã lấy kích thước tính từ tìm đường vào đến mốc giới giải phóng mặt bằng là 10,14m trừ đi phần giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998, năm 2003 là 7,0m, còn lại diện tích đất phải thu hồi và bồi thường giải phóng mặt bằng ($10,14m - 7,0m \times$ chiều rộng thửa đất) còn lại $12,5m^2$; diện tích $5,2m^2$ không thuộc diện thu hồi bồi thường là diện tích đất thuộc vị trí đã được giải phóng mặt bằng từ năm 1996 - 1998 và năm 2003 nên nay thu hồi không được bồi thường

là đúng pháp luật. Do vậy, quan điểm của người khởi kiện yêu cầu bồi thường cả diện tích đất đã được bồi thường xong trước đây là không có căn cứ.

[2.3] Về căn cứ xác định loại đất bị thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng: Diện tích 139,0m² và một phần đất phía trước thuộc thửa số 94 mà ông H quản lý tuy có nguồn gốc khai phá trước ngày 30/12/1980 trên đất có nhà ở (do ông Sô, bà Luân rồi đến ông V quản lý, sử dụng 720m²; sau đó ông V mới chuyển cho ông H một phần vào tháng 9/1998 như đã nêu ở trên). Tuy nhiên, theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ thì một phần diện tích đất đó có một phần thuộc hành lang an toàn giao thông và năm 1992 khi lập bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/1000 đã được xác định mốc giới hành lang an toàn giao thông theo đúng quy định. Sau khi xác lập hành lang bảo vệ an toàn giao thông thửa đất thành 03 thửa trong đó 02 thửa đất thuộc hành lang an toàn giao thông (hành lang đường sắt là thửa 92); thửa đất ngoài hành lang giao thông có nhà ở (thửa số 93) sau đó chuyển nhượng cho ông H. Khi làm thủ tục thì ông H đã kê khai đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 93 nằm ngoài hành lang an toàn giao thông này, thời điểm cấp giấy chứng nhận đã được quy hoạch hành lang an toàn giao thông. Khi được cấp giấy chứng nhận đã ghi rõ diện tích 46,0m² đất ở và 93,0m² đất vườn nhưng ông H không có ý kiến và không khiếu nại gì đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như việc xác định diện tích đất ở nên đây là căn cứ để xác định loại đất đối với diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm xác định phạm vi hành lang an toàn giao thông theo bản đồ giải thửa năm 1992 của hộ ông V theo Thông tư số 185- TT/PC ngày 26/9/1983 hướng dẫn thi hành điều lệ bảo vệ đường bộ quy định “Để tận dụng đất đai trong hành lang bảo vệ. Điều lệ cho phép trồng cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp...Khi có yêu cầu mở rộng, cải tạo đường sá thì phải trả lại đất cho ngành giao thông vận tải trong thời gian ngắn nhất”. Nên khi chuyển nhượng một phần thửa đất số 93 cho ông H thì ông H tiếp tục sử dụng diện tích phía trước thuộc một phần thửa số 94 là đất hành lang an toàn giao thông và đã có quyết định thu hồi, đền bù trước đây theo các quy định của luật đất đai năm 1993 và 2003.

Năm 2015, thực hiện việc mở rộng Quốc lộ 18A giai đoạn hai, Ủy ban nhân dân phường Phương Đông xác định diện tích đất thuộc thửa đất trong hành lang an toàn giao thông của hộ ông H nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp năm 1998 và không có một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật đất đai 2013 là đất trồng cây lâu năm và được Ủy ban nhân dân thành phố U thu hồi, bồi thường theo loại đất trồng cây lâu năm là đúng thực tế sử dụng đất đảm bảo quyền lợi của người có đất bị thu hồi.

Đối với việc bồi thường giải phóng mặt bằng năm 1998 là căn cứ luật Đất đai năm năm 1993, năm 2003 và các văn bản hướng dẫn để bồi thường giải phóng mặt bằng tại thời điểm đó để bồi thường theo giá đất ở cho các hộ dân là phù hợp với quy định của Luật đất đai tại thời điểm đó và đã được thực hiện xong. Luật đất đai năm 2013 đã có hiệu lực pháp luật nên việc thu hồi đất tại các Quyết định số 5787/QĐ - UBND và Quyết định số 5788/QĐ – UBND ngày

31/8/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh phải căn cứ vào các quy định này khi thu hồi đất là đúng quy định.

- Theo đó nội dung các Quyết định số 6865/QĐ - UBND, Quyết định số 5787/QĐ - UBND, Quyết định số 5788/QĐ - UBND, Quyết định số 941/QĐ - UBND (Phần liên quan ông H), văn bản số 156/UBND và Quyết định số 233/QĐ - CT: Trên cơ sở xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất như trên đã xác định được rõ diện tích đất thuộc diện thu hồi nằm trong phạm vi hành lang giao thông, bản đồ mặt bằng tuyến và ranh giới giải phóng mặt bằng tỷ lệ 1/1.000 theo Quyết định 143/QĐ - UBND ngày 16/01/2015 là đúng pháp luật. UBND thành phố U đã ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường có nội dung thu hồi 12,5m² đất trồng cây lâu năm, bồi thường giá trị tài sản trên đất và giá trị đất theo giá đất trồng cây lâu năm nhằm bảo đảm quyền lợi của người bị thu hồi đất. Ngoài ra, UBND thành phố U đã vận dụng Điều 25 Nghị định số 47/2014 để lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông H bằng 50% giá đất ở 91.250.000đ theo Quyết định số 4114/QĐ - UBND ngày 07/12/2016, Quyết định số 500/QĐ - UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh là có lợi cho người có đất bị thu hồi nên nội dung quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U không chấp nhận khiếu nại của ông H là đúng quy định của pháp luật.

Nay không có tài liệu gì mới và đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định ở trên thì việc xác định diện tích, loại đất và giá đền bù khi thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng đều đã phù hợp bảo đảm quyền lợi của người có đất thu hồi nên các nội dung kháng cáo này không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của người khởi kiện là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với pháp luật.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Đặng Thanh H, giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm số 26/2019/HCST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định. Cụ thể:

Căn cứ vào quy định tại Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật tố tụng Hành Chính;

Căn cứ vào quy định tại Điều 11; Điều 204 Luật đất đai 2013; các Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Đặng Thanh H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6865/QĐ - UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại đối với Ông Đặng Thanh H và bác yêu cầu xác định tổng diện tích đất thu hồi 17,7m², xác định đất thu hồi là loại đất ở và bồi thường theo giá đất ở.

2. Về án phí :

Buộc Ông Đặng Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai nộp tiền án phí số 0007178 ngày 20/2/2019 và biên lai số 0007403 ngày 29/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh được trừ vào án phí phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh ;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đông